Phản ứng trong hành vi tiết kiệm và cơ cấu chi tiêu hộ gia đình Việt Nam khi có sốc vĩ mô về thu nhập

Nguyễn Thị Minh*, Đoàn Trọng Tuyến, Phạm Hương Huyền***, Nguyễn Thị Thảo****, Phạm Tiến Hải*******

Ngày nhận 21/7/2015
Ngày nhận bản sửa: 25/8/2015
Ngày duyệt đăng: 25/9/2015

Tóm tắt:

Mục đích của bài viết này là nhằm nghiên cứu hành vi tiết kiệm cũng như cơ cấu chi tiêu của hộ gia đình Việt Nam khi có sốc về thu nhập tận dụng số liệu năm 2010-2012. Các phân tích cho thấy hành vi tiết kiệm chi tiêu của người dân Việt Nam nói chung là phù hợp với các lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm về chủ đề này, trong đó khi thu nhập cao hơn thì người dân có xu hướng tiết kiệm nhiều hơn. Bài viết cũng tìm ra một số điểm khác biệt quan trọng. Thứ nhất, trong năm 2012, mặc dù thu nhập gia tăng nhưng tỷ lệ tiết kiệm lại giảm so với năm 2010, điều này cho thấy trong năm 2012, kì vọng của người dân về triển vọng kinh tế là tốt hơn, nên tăng cường cho chi tiêu hiện tại. Thứ hai, mặc dù Việt Nam đã được xếp vào nhóm các nước thu nhập trung bình thấp, cơ cấu chi tiêu của người dân Việt Nam là tương tự với nhóm các nước có thu nhập thấp, trong đó tỷ trọng dành cho đồ ăn uống là quá lớn mà phần dành cho y tế hay giáo dục là quá nhỏ. Từ đó nhóm tác giả đề xuất ra một số gợi ý chính sách.

Từ khóa: Cơ cấu chi tiêu; sốc thu nhập; tỷ lệ tiết kiệm.

Change in savings and composition of consumption of Vietnam households in response to a macro - income shock

Abstract:

This paper studies the saving behavior and composition of consumption of Vietnamese households when there is an income shock making use of a dataset on 2010-2012 The analysis shows that saving behavior of Vietnamese people is conforming to theory and empirical studies on this issue, in which richer people save more The paper also provides some remarkable points: (i) Despite that income in 2012 increases, saving rate decreases. This may imply that in 2012, people are more optimistic about future hence increases the current expenditure. (ii) Although Vietnam is now in the low middle income group, compositon of consumption is similar to that of the lowest or the low income group: the weight for food and beverage is too large, and that for health care and education is too small. From the result, authors propose some policy recommendations.

Keywords: Consumption structure; income shock; saving rates.

1. Giới thiệu

Tại hầu hết các quốc gia, tiêu dùng hộ gia đình chiếm một phần quan trọng trong tổng GDP, ở mức khoảng 60-70 phần trăm (số liệu World Bank)[1]. Do đó thông tin về phản ứng của hộ gia đình trong hành vi tiết kiệm cũng như cơ cấu chi tiêu khi có sự thay đổi trong thu nhập sẽ là rất quan trọng trong việc hoạch định các chính sách như chính sách thuế, chính sách về kích cầu nhằm tăng trưởng kinh tế, chính sách thúc đẩy tiêu dùng hàng nội địa,... Vì vậy có rất nhiều nghiên cứu lý thuyết cũng như thực nghiệm về vấn đề này đã được thực hiện.

Khi sự thay đổi trong thu nhập mang tính dài hạn và dự báo được, chẳng hạn chuẩn bị cho thời kì hưu trí hoặc người lao động sẽ nhận được sự thăng tiến trong công việc, thì tỷ trọng thu nhập dành cho chi tiêu có thể không thay đổi đáng kể khi sự thay đổi trong thu nhập thực sự diễn ra. Điều này được lý giải bởi giả thuyết về thu nhập vĩnh viễn (permanent income hypothesis- PIH), được khởi xướng bởi Friedman (1957), cho rằng hành vi chi tiêu của người dân phụ thuộc chủ yếu vào mức thu nhập vĩnh viễn. Theo giả thuyết này, nếu thay đổi trong thu nhập là dự báo được thì người dân sẽ điều chỉnh chi tiêu thông qua tiết kiệm và tín dụng ngay cả trước khi sự thay đổi này thực sự diễn ra. Và như vậy, các chính sách được thông báo trước như miễn giảm thuế thu nhập cá nhân trong ngắn hạn sẽ có tác dụng khá hạn chế trong việc phục vụ cho mục tiêu kích cầu, vì người dân sẽ có xu hướng san đều lượng tiền được miễn giảm này để chi tiêu trong nhiều năm.

Các nghiên cứu thực nghiệm về tác động của cú sốc bất thường trong thu nhập cho thấy kể cả khi ngắn hạn, cũng vẫn có tác động tới hành vi tiêu dùng tiết kiệm của hộ gia đình, tuy không mạnh mẽ bằng tác động của sự thay đổi mang tính dài hạn của thu nhập (Muth, 1960; Robert & cộng sự, 1982). Gần đây hơn, Krueger & Perri (2011), khi nghiên cứu về hành vi chi tiêu của người dân Ý đã ước lượng rằng khi thu nhập ngắn hạn tăng 100 lira[2] thì chi tiêu thông thường tăng 23 lira, trong khi nếu thu nhập dài hạn tăng 100 lira thì chi tiêu thông thường tăng đến 47 lira.

Khi giới thiệu thêm yếu tố ngẫu nhiên vào bài toán tiêu dùng tối ưu, các nhà nghiên cứu lý thuyết đã chỉ ra một vai trò quan trọng khác của tiết kiệm hộ gia đình, đó là phòng ngừa rủi ro (precautious saving) (Brumberg, 1956; Leland, 1968; Deaton, 1991; Weil, 1993). Trong đó nếu độ không chắc chắn trong tương lai về thu nhập càng cao thì người dân càng có xu hướng giảm bớt chi tiêu và gia tăng tiết kiệm nhằm phòng hộ cho rủi ro về khả năng giảm sút thu nhập trong tương lai. Nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã ủng hộ cho giả thuyết này, chẳng hạn nghiên cứu gần đây của Ashoka Mody & cộng sự (2012). Trong nghiên cứu này, các tác giả đã nghiên cứu hành vi tiết kiệm - chi tiêu hộ gia đình của khối các nước OECD sử dụng bộ số liệu mảng. Kết quả chỉ ra rằng 2/3 sự thay đổi trong tỷ lệ tiết kiệm giữa năm 2008 và 2009 là có mục đích phòng ngừa rủi ro. Như vậy, trong thời kì khủng hoảng kinh tế, một cú sốc về thu nhập sẽ có thể có những tác động đáng kể đến hành vi chi tiêu – tiết kiệm của người dân, do khủng hoảng kinh tế có thể đem lại những dự đoán không mấy rõ ràng về thời điểm mà nền kinh tế có thể phục hồi và ổn định trở lại. Do đó đã có một số nghiên cứu tập trung tìm hiểu về sự thay đổi trong hành vi tiết kiệm - chi tiêu của người dân do tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới bắt đầu vào năm 2008. Chẳng hạn Zanin (2015), khi nghiên cứu về hành vi chi tiêu của người dân Ý với tác động của sốc ngắn hạn về thu nhập lên chi tiêu và tiết kiệm sử dụng số liệu mảng thu thập giai đoạn 2012-2013. Nghiên cứu cho thấy mối quan hệ giữa sốc và mức chi tiêu có dạng chữ U ngược, trong đó nhóm rất giàu và rất nghèo hầu như không phản ứng với sốc thu nhập, và nhóm thu nhập trung bình thì lại có sự thay đổi đáng kể trong mức chi tiêu khi thu nhập thay đổi.

Sốc thu nhập không chỉ tác động lên tỷ lệ tiết kiệm như đã phân tích ở trên, mà còn tác động đến cơ cấu chi tiêu của các hộ gia đình. Điều này là phù hợp với lý thuyết cho rằng hệ số co giãn của các nhóm hàng hóa là khác nhau và phụ thuộc vào thu nhập. Nói một cách khác, với một người bình thường, khi có sự giảm đi trong thu nhập thì anh ta sẽ có xu hướng ưu tiên cho những hàng hóa thiết yếu và giảm bớt chi tiêu những hàng hóa không thiết yếu. Nad´ege D´esir´ee Yam´eogo (2014) chẳng hạn sử dụng mô hình AIDS cho số liệu năm 2010 từ Faso và thấy rằng trong các nhóm hàng hóa được nghiên cứu, bao gồm chi tiêu cho giáo dục, chi tiêu cho y tế, thực phẩm, đồ dùng lâu bền,... thì thấy hệ số co giãn là rất khác nhau với chi tiêu cho giáo dục có hệ số co giãn bé nhất và đồ dùng lâu bền có hệ số co giãn khá lớn. Ngoài ra, các hệ số này cũng khác biệt nhau tùy vào nhóm thu nhập cũng như các đặc trưng của hộ.

Tựu trung lại, các nghiên cứu cho thấy rằng khi có sốc ngắn hạn làm cho thu nhập gia tăng thì tỷ lệ tiết kiệm cũng gia tăng tuy mức gia tăng này sẽ là yếu hơn nếu cú sốc này mang tính dài hạn. Và sự kỳ vọng tốt hơn về thu nhập trong tương lai sẽ góp phần làm giảm tỷ lệ tiết kiệm hôm nay. Khủng hoảng kinh tế thế giới 2008 vừa qua đã có những tác động đáng kể đến nền kinh tế Việt Nam. Nó không chỉ tác động đến thu nhập mà còn đến kỳ vọng của người dân về triển vọng kinh tế. Vì vậy hành vi chi tiêu - tiết kiệm cũng sẽ có những thay đổi đáng kể và nghiên cứu về nó sẽ giúp phần nào xác định được phản ứng của người dân với sốc thu nhập cũng như kỳ vọng của người dân về tương lai.

Ở Việt Nam đã có một số nghiên cứu về hành vi

thu nhập- chi tiêu của người dân, chẳng hạn nghiên cứu của Minh & cộng sự (2013), Newman & cộng sự (2012) hay Thomas & Dung (2014). Bài viết này khác biệt với các nghiên cứu trên ở mục đích nghiên cứu: tận dụng số liệu trong thời kỳ Việt Nam chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế quốc tế để nghiên cứu tác động của sốc thu nhập lên hành vi chi tiêu – tiết kiệm cũng như cơ cấu chi tiêu của hộ gia đình. Một điểm mới nữa của bài viết là tập trung so sánh hành vi này của các hộ gia đình theo chiều ngang (theo hộ gia đình với cùng thời điểm) với hành vi theo chiều dọc (theo hộ gia đình với thời điểm khác nhau), từ đó có thể hiểu tốt hơn về hành vi tiết kiệm phòng vệ cũng như kỳ vọng của người dân Việt Nam về triển vọng kinh tế trong thời kì khủng hoảng kinh tế quốc tế. Cấu trúc của bài viết như sau: phần tiếp theo sẽ đưa ra các phân tích thống kê về hành vi tiết kiệm và cơ cấu chi tiêu hộ gia đình, trong đó quan tâm đến động thái của các yếu tố này trong giai đoạn 2010-2012; phần 3 sẽ sử dụng mô hình kinh tế lượng để đưa ra các phân tích định lượng về tác động của các yếu tố lên hành vi chi tiêu – tiết kiệm, và phần cuối sẽ đưa ra các thảo luận và khuyến nghị.

2. Hành vi tiết kiệm và cơ cấu tiêu dùng của người dân giai đoạn 2010-2012

Mục này sẽ tập trung phân tích theo hai hướng: (1) Hành vi theo chiều ngang của các hộ gia đình: so sánh hành vi của các hộ phân theo nhóm thu nhập tại cùng một thời điểm, và (2) Hành vi theo chiều dọc của hộ: so sánh hành vi của các hộ phân theo nhóm thu nhập tại hai thời điểm là năm 2010 và năm 2012. Phân tích cũng quan tâm đến hai vấn đề: tỷ lệ tiết kiệm và cơ cấu tiêu dùng của các hộ gia đình Việt Nam.

Như đã phân tích ở trên, hành vi tiết kiệm cũng như cơ cấu chi tiêu có thể phụ thuộc một cách quan trọng vào sự thay đổi trong thu nhập và nhận định của người dân về triển vọng kinh tế. Khi thu nhập gia tăng, tỷ lệ tiết kiệm cũng gia tăng; và khi người dân lạc quan hơn về tương lai thì tỷ lệ tiết kiệm sẽ giảm sút. Trước hết chúng ta hãy xem xét sơ bộ về thu nhập hộ gia đình trong năm 2010 và 2012.[3] Thu nhập bình quân theo 5 nhóm thu nhập trong năm 2010 và 2012 được cho trong bảng 1.

Từ Bảng 1 có thể thấy thu nhập bình quân đầu người năm 2012 đã tăng một cách đáng kể so với năm 2010, chỉ trừ nhóm 5 ở khu vực thành thị. Chẳng hạn thu nhập nhóm 1 (nhóm nghèo nhất) đã gia tăng 47% và 40% tương ứng cho khu vực thành thị và khu vực nông thôn. Nếu sau khi đã trừ đi ảnh hưởng do lạm phát thì thu nhập thực tế của người dân vẫn gia tăng (trừ nhóm giàu nhất ở khu vực thành thị).[4]

Từ đó chúng ta sẽ tiếp tục phân tích hành vi tiết kiệm và cơ cấu chi tiêu của người dân như trong phần sau.

2.1. Xu hướng tiết kiệm hộ gia đình

Chúng ta sẽ phân tích hành vi tiết kiệm hộ gia đình theo hai khía cạnh: xu hướng tiết kiệm theo chiều ngang, và xu hướng tiết kiệm theo chiều dọc.

Xu hướng tiết kiệm theo chiều ngang

Theo các nghiên cứu thực nghiệm, nhóm các hộ giàu không chỉ tiết kiệm nhiều hơn nhóm các hộ nghèo tính theo giá trị tuyệt đối mà tỷ lệ tiết kiệm của nhóm các hộ giàu cũng thường cao hơn so với nhóm các hộ nghèo (Karen & cộng sự, 2004). Sự khác biệt này có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thi các chính sách liên quan đến phúc lợi của người dân như thuế giá trị gia tăng. Nếu tỷ trọng tiêu dùng của người nghèo là cao hơn so với người giàu thì thuế giá trị gia tăng sẽ mang tính lũy thoái, và người nghèo sẽ bị thiệt hại nhiều hơn so với người giàu. Ngoài ra, tỷ lệ tiết kiệm của người giàu là cao hơn so với người nghèo sẽ có xu hướng tiếp tục làm gia tăng bất bình đẳng trong tương lai.

Xu hướng tiết kiệm theo chiều dọc hay sự thay đổi trong kỳ vọng về triển vọng kinh tế

Xu hướng tiết kiệm theo chiều dọc ở đây được

Bảng 1: Thu nhập bình quân khu vực nông thôn – thành thị theo nhóm thu nhập (đơn vị: nghìn đồng/tháng)

	2010		2012		Thay đổi (%)	
Nhóm	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn
1	795.77	379.33	1169.38	532.09	1.47	1.40
2	1263.46	653.82	1811.02	936.66	1.43	1.43
3	1810.82	943.60	2420.23	1353.85	1.34	1.43
4	2538.77	1384.60	3355.52	1968.02	1.32	1.42
5	4952.30	2907.46	5770.22	3972.20	1.17	1.37

Nguồn. Tính toán của các tác giả từ VHLSS 2010-2012

Bảng 2: Tỷ lệ tiết kiệm hộ gia đình theo khu vực và theo nhóm thu nhập (đơn vị: %)

	2010		2012	
Nhóm	Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn
1	16.90	16.40	17 51	13.89
2	23.62	21.26	16.99	15.38
3	25.12	24.12	23.72	19.28
4	29.71	29.04	25.23	25.20
5	40 09	41.92	31.91	38.18

Nguồn: Tính toán của các tác giả từ VHLSS 2010-2012

hiểu là sự thay đổi của tỷ lệ tiết kiệm dọc theo thời gian của các hộ gia đình phân theo nhóm thu nhập. Sự thay đổi này có thể nói được tạo ra bởi hai yếu tố cơ bản: sự thay đổi trong thu nhập thực tế, và sự thay đổi trong kỳ vọng của người dân về tương lai. Cụ thể hơn, nếu như thu nhập cũng như kỳ vọng của người dân về triển vọng kinh tế là không thay đổi thì tỷ lệ tiết kiệm của các hộ gia đình trong năm 2010 và 2012 sẽ là như nhau. Nếu không có sự thay đổi trong kỳ vọng, thì sự thay đổi trong tỷ lệ tiết kiệm sẽ khá tương đồng với sự thay đổi của tỷ lệ tiết kiệm khi xét theo chiều ngang, nghĩa là tỷ lệ tiết kiệm sẽ gia tăng khi thu nhập gia tăng.[5]

Tỷ lệ và xu hướng tiết kiệm hộ gia đình theo chiều ngang và theo chiều dọc giữa các năm 2010 và 2012 được cho trong bảng 2.

Từ bảng 2 có thể thấy một số đặc điểm như sau về hành vi tiết kiệm hộ gia đình Việt Nam:

Nếu tính theo chiều ngang, có thể thấy hành vi tiết kiệm hộ gia đình Việt Nam tuân theo quy luật chung: các hộ giàu có xu hướng tiết kiệm cao hơn. Chẳng hạn như vào năm 2010, các hộ nhóm 5 tiết kiệm tới 40% thu nhập có được thì hộ nhóm 1 chỉ tiết kiệm 17%. Tình hình cũng tương tự cho năm 2012.

Nếu quan tâm theo chiều dọc, ta thấy có một sự thay đổi khá rõ giữa năm 2012 và năm 2010, như sau:

Một là: Sự thay đổi theo chiều dọc của tỷ lệ tiết kiệm là ngược chiều với sự thay đổi theo chiều ngang. Năm 2012, như ở phần trên đã chỉ ra, thu nhập của đa số nhóm hộ đều gia tăng, nhưng tỷ lệ tiết kiệm lại sút giảm. Có thể đây là chứng cứ, người dân cho rằng sự gia tăng thu nhập trong năm 2012 mang tính bền vững và có một kỳ vọng tốt về triển vọng nền kinh tế. Trong đó đặc biệt có thể thấy rõ nhóm 5 ở khu vực thành thị, mặc dù thu nhập thực tế là không gia tăng (sau khi trừ lạm phát), nhưng mức tiết kiệm lại sụt giảm rất lớn.

Hai là: Có một sự khác biệt đáng kể giữa thành thị và nông thôn trong năm 2012 so với năm 2010. Nếu như trong năm 2010, tỷ lệ tiết kiệm tại hai khu vực nông thôn và thành thị là khá tương đồng thì năm 2012, tỷ lệ này lại khá khác biệt. Chẳng hạn nhóm 1 thành thị tiết kiệm 17.51% trong khi ở nông thôn tỷ lệ này là 13.89; và nhóm 5 thành thị tiết kiệm 31.91% trong khi ở nông thôn tỷ lệ này là 38.18%. Điều này có thể lý giải là do các nhóm khác nhau có kỳ vọng khác nhau về triển vọng kinh tế.[6]

Một câu hỏi quan trọng được đặt ra là các hộ gia đình phân bổ lượng tiền gia tăng như thế nào giữa các nhóm mặt hàng tiêu dùng. Điều này sẽ được phân tích ở mục tiếp theo.

2.2. Thay đổi trong cơ cấu chi tiêu của hộ gia đình giai đoạn 2010-2012

Các nghiên cứu thực nghiệm chỉ ra rằng cơ cấu chi tiêu của các hộ gia đình là khác biệt nhau tùy thuộc vào nhiều yếu tố trong đó có yếu tố thu nhập và các đặc trưng của hộ (Narayan & cộng sự, 2012). Trong nghiên cứu này chúng tôi chia chi tiêu của hộ thành 7 nhóm như sau: giáo dục, y tế, đồ ăn uống, tiêu dùng hàng ngày không phải đồ ăn uống, hàng lâu bền, điện nước sinh hoạt, tết, và các mặt hàng còn lại. Cơ cấu chi tiêu trong hai năm 2010 và 2012 được cho trong bảng 3 (Do cơ cấu chi tiêu của người thành thị cũng tương tự nên chúng tôi không trình bày ở đây).

Từ bảng 3, có một số nhận xét như sau:

Xét theo chiều ngang, cơ cấu chi tiêu hộ gia đình phù hợp với kỳ vọng: Tỷ trọng chi tiêu dành cho đồ ăn uống (kể cả Tết) là giảm khi thu nhập gia tăng, phù hợp với luật Engel. Và tỷ trọng dành cho các mặt hàng khác đều có xu hướng tăng khi thu nhập tăng. Điều này cho thấy các hộ nghèo chi ít hơn cho giáo dục và y tế cả về độ lớn tuyệt đối cũng như tương đối.

Cơ cấu chi tiêu khác biệt với xu hướng chung trên thế giới: Tỷ lệ chi tiêu trong tổng chi tiêu của các hộ gia đình dành chủ yếu dành quá nhiều cho ăn uống, với 63.86% với nhóm 1 và 47.53% với nhóm 5 trong năm 2010. Đây là một mức chi khá lớn so với mức trung bình chung trên thế giới[7]. Trong khi đó,

Bảng 3: Cơ cấu chi tiêu của các hộ gia đình nông thôn (đơn vị: % tổng chi tiêu)

Nhóm	G.dục	Y tế	L.âu bền	Tết	Ăn uống	Ngoài a.u	Đ.nước	Khác
2010 (Nông thôn)								
1	2.20	2.96	6.04	5.40	63.86	19.90	1.40	3.28
2	2.98	3.41	5.69	5.01	58.81	21.53	1.93	4.68
3	3.52	5.01	7.11	4.65	54.09	22.01	2.18	6.41
4	3.90	4.21	8.27	4.46	51.26	23.10	2.19	7.40
5	4.01	5.81	10.64	4.21	47.53	23.88	2.53	7.59
2012 (Nông thôn)								
1	1.43	3.03	4.66	2.84	69.17	18.49	1.51	3.09
2	2.53	2.84	3.32	3.34	66.49	17.98	1.81	4.35
3	2.78	3.76	4.92	3.32	62.01	19.44	2.33	5.33
4	2.64	3.84	6.11	3.46	60.20	19.70	2.39	6.28
5	2.76	3.87	8.76	3.46	57.18	20.34	2.51	7.30

Nguồn: Tính toán của các tác giả từ VHLSS 2010-2012

những mặt hàng quan trọng cho sự phát triển bền vững như y tế hay giáo dục lại chiếm một tỷ lệ quá nhỏ so với mức trung bình chung trên thế giới: chẳng hạn chi tiêu năm 2010 cho y tế của nhóm 1 và nhóm 5 lần lượt là 2.95% và 5.81% thì con số này là 5.1% nếu tính trung bình chung trên thế giới. Các con số về chi cho giáo dục cũng phản ánh một xu thế tương tự.

Sự thay đổi trong cơ cấu chi tiêu năm 2012 so với năm 2010 không theo xu hướng thông thường. Thu nhập năm 2012 cao hơn so với năm 2010, nhưng tỷ trọng dành cho đồ ăn uống tiếp tục gia tăng, điều này là không phù hợp với luật Engel, trong khi đó tỷ trọng dành cho y tế và giáo dục tiếp tục sụt giảm.

3. Mô hình đánh giá tác động của một số yếu tố lên tỷ lệ tiết kiệm hộ gia đình Việt Nam

Số liệu

Bài viết sử dụng số liệu Điều tra mức sống hộ gia đình các năm 2010 và 2012 (VHLSS 2010 và VHLSS 2012), đây là số liệu điều tra do Tổng cục Thống kê thực hiện hai năm một lần. Số hộ được điều tra mỗi năm là 9400 hộ. Để kiểm soát một số đặc trưng của hộ, chúng tôi tập trung nghiên cứu các hộ được điều tra trong cả hai năm 2010 và 2012, gồm 4173 hộ. Sau khi loại bỏ một số hộ do thiếu dữ liệu, tổng cộng số hộ sử dụng trong nghiên cứu là 3945 hộ.

Mô hình

Mô hình được sử dụng như sau cho từng khu vực nông thôn và thành thị.

$$y = \beta_0 + \beta_1 nhom + \beta_2 educ + \beta_3 female + \beta_4 age + \beta_5 nhom * year + u$$

Trong đó các biến được định nghĩa như sau:

Y: tỷ lệ tiết kiệm, bằng lượng tiết kiệm chia cho thu nhập, đơn vị: %

Nhóm: nhóm phân theo thu nhập, nhận giá trị từ 1 đến 5, trong đó nhóm 1 là nhóm nghèo nhất. Theo các nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm, các nhóm có thu nhập cao thường có xu hướng có tỷ lệ tiết kiệm cao hơn.

Edu: chỉ học vấn của chủ hộ, nhận giá trị từ 1 đến 3, trong đó 1 với những chủ hộ có trình độ tiểu học trở xuống, 2 nếu có trình độ trung học, 3 nếu có trình độ trên phổ thông trung học. Những người có trình độ học vấn cao hơn thường có xu thế tiết kiệm cao hơn, do học vấn cao hơn thường có đảm bảo tốt hơn về thu nhập tương lai.

Female: giới tính của chủ hộ, nhận giá trị 1 nếu chủ hộ là nữ, bằng 0 nếu chủ hộ là nam.

Age: tuổi của chủ hộ. Theo lý thuyết về vòng đời, người trẻ và người già có xu hướng tiết kiệm ít hơn so với người trung tuổi. Tuy nhiên trong bài viết này, đơn vị nghiên cứu là hộ gia đình, nên tuổi có thể phản ánh về khía cạnh quan tâm đến rủi ro về thu nhập của hộ. Chủ hộ có trẻ tuổi có thể sẵn sàng chấp nhận rủi ro hơn người cao tuổi.

*Nhóm*year*: biến tương tác, chỉ tác động của thời gian và nhóm thu nhập. Hệ số của biến này nhằm tìm hiểu đánh giá của người dân về triển vọng kinh tế trong năm 2012 so với năm 2010.

Sau khi thực hiện các kiểm định cần thiết (xem Phụ lục), kết quả thu được cho khu vực nông thôn và khu vực thành thị được thể hiện ở bảng 4.

Các hệ số ước lượng đều có dấu phù hợp với kỳ

vọng và có ý nghĩa thống kê. Hệ số biến Edu_2 và Edu_3 thể hiện sự khác biệt giữa nhóm có chủ hộ học vấn trung học và chủ hộ học vấn trên trung học so với nhóm cơ sở là nhóm có chủ hộ có học vấn tiểu học trở xuống.

Hệ số biến *Nhóm* là phù hợp với phân tích thống kê ở trên: các nhóm giàu hơn có tỷ lệ tiết kiệm cao hơn, kể cả sau khi kiểm soát các yếu tố khác mang đặc trưng của chủ hộ như trình độ học vấn hay giới tính chủ hộ. Cụ thể hơn, ở khu vực nông thôn, nhóm 2 có tỷ lệ tiết kiệm cao hơn nhóm 1 là 0.0489 (gần 5%) và nhóm càng giàu thì sự chênh lệch này càng lớn. Điều này cũng đúng cho khu vực thành thị, tuy nhiên mức chênh lệch giữa các nhóm ở thành thị là ít hơn so với nông thôn.

Một điều đáng lưu ý là hệ số tương tác giữa biến nhóm và biến năm đều âm và hầu hết đều có ý nghĩa thống kê. Điều này cho thấy rằng, tuy thu nhập năm 2012 là lớn hơn so với năm 2010, nhưng các nhóm đều có xu hướng tiết kiệm giảm, hay nói một cách khác, là các nhóm đều gia tăng tỷ lệ chi tiêu. Điều này cho thấy một kỳ vọng tốt hơn của người dân về triển vọng kinh tế, cũng phù hợp với thực tế rằng năm 2012 kinh tế bắt đầu khôi phục, lạm phát giảm từ con số 18% xuống còn 6.8%.

4. Thảo luận và khuyến nghị

Bài viết này sử dụng số liệu cập nhật năm 2010-2012 để nghiên cứu hành vi tiết kiệm – chi tiêu hộ gia đình Việt Nam. Đóng góp chính của bài viết này là tận dụng một thực tế đặc biệt là trong giai đoạn này, Việt Nam đang chịu tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới, để nghiên cứu hành vi của người dân khi có cú sốc mang tính vĩ mô về thu nhập. Sau khi thực hiện các kiểm định cần thiết về mô hình, kết quả thu được từ mô hình định lượng và phân tích thống kê là phù hợp với các nghiên cứu lý thuyết cũng như thực nghiệm về tiết kiệm – chi tiêu của hộ gia đình trên thế giới. Tuy nhiên cũng có một số điểm khác biệt, như sau:

- Cơ cấu chi tiêu của hộ gia đình Việt Nam chưa thực sự phù hợp với xu hướng chung trên thế giới: Trong khi Việt Nam đã được xếp trong nhóm các nước thu nhập trung bình thấp thì cơ cấu chi tiêu của người dân Việt Nam lại tương đồng với cơ cấu của các nước có thu nhập thấp hoặc thấp nhất: Tỷ lệ chi tiêu dành cho đồ ăn uống ở Việt Nam là quá cao, và tỷ lệ dành cho y tế và giáo dục còn quá thấp[9]. Thêm vào đó, khi có triển vọng tốt hơn về tương lai và có gia tăng trong thu nhập, người dân không ưu tiên để gia tăng cho các lĩnh vực như giáo dục hay y tế mà vẫn tiếp tục ưu tiên cho đồ ăn uống. Đây là một xu hướng không đáng khuyến khích, vì chính giáo dục và y tế mới là cần được ưu tiên khi đời sống đã không còn ở mức thiếu thốn. Để tìm hiểu bản chất của xu hướng này, cần có một nghiên cứu tiếp theo để làm rõ hơn cấu thành của đồ ăn uống hộ gia đình Việt Nam. Trong tương lai, khi xu hướng chi tiêu của người dân Việt Nam trở nên hội nhập hơn với xu thế chung của thế giới, chi tiêu cho các lĩnh vực như y tế, giáo dục sẽ gia tăng. Vì vậy các lĩnh vực này cần có những cải thiện về chất lượng cũng như trang thiết bị cơ sở vật chất để đáp ứng được sự gia tăng này trong tương lai không xa.

- Về tỷ lệ tiết kiệm: sự khác biệt về tỷ lệ dành cho

Bảng 4: Kết quả ước lượng cho khu vực nông thôn và thành thị[8]

Biến số	Nông thôn	Thành thị	Biến số	Nông thôn	Thành thị
Nhóm2	0.0489***	0.0736***	Nhóm1*2012	-0.0202	-0.0123
	(0.0152)	(0.0184)		(0.0237)	(0.0246)
Nhóm3	0.0915***	0.0998***	Nhóm2*2012	-0.053***	-0.0488**
	(0.0151)	(0.0186)		(0.0143)	(0.0196)
Nhóm4	0.144***	0.162***	Nhóm3*2012	-0.062***	-0.0130
	(0.0146)	(0.0194)		(0.0130)	(0.0206)
Nhóm5	0.274***	0.251***	Nhóm 4*2012	-0.037***	-0.064***
	(0.0155)	(0.0219)		(0.0116)	(0.0202)
Female	-0.0213**	-0.0318***	Nhóm 5*2012	-0.043***	-0.074***
	(0.00850)	(0.0112)		(0.0127)	(0.0242)
Edu_2	-0.0183***	-0 0300**	Constant	0.166***	0.176***
	(0.00657)	(0.0117)		(0.0123)	(0.0140)
Edu_3	-0.0728***	-0.0344*	R-squared	0.223	0.158
	(0 0235)	(0.0182)	Observations	2,827	1,118

Robust standard errors in parentheses

Ghi chú: *** p<0.01, ** p<0.05, * p<0.1

tiết kiệm trong thu nhập hộ gia đình giữa các nhóm thu nhập là khá lớn. Chẳng hạn nhóm giàu nhất có tỷ lệ tiết kiệm cao gấp hai lần so với nhóm nghèo nhất. Như vậy đây sẽ là yếu tố góp phần vào gia tăng bất bình đẳng trong tương lai. Do đó, tuy hiện nay bất bình đẳng ở Việt Nam chưa ở mức cao, nhưng Nhà nước vẫn cần quan tâm đến vấn đề này.

- Về tỷ lệ tiết kiệm: Năm 2012, mặc dù thu nhập thực tế sau khi đã trừ đi lạm phát của các hộ trong nghiên cứu đều gia tăng nhưng tỷ lệ tiết kiệm lại giảm so với năm 2010. Điều này cho thấy người dân đã có những kỳ vọng tốt về triển vọng kinh tế nên gia tăng chi tiêu hiện tại. Kết quả này là phù hợp với giả thuyết về thu nhập vĩnh viễn cũng như giả thuyết về tiết kiệm phòng ngừa rủi ro mà các nhà nghiên cứu trên thế giới đã đề xuất. Một cách định lượng, mức giảm trong tỷ lệ tiết kiệm năm 2012 so với năm 2010 là khá lớn. Điều này cho thấy hành vi chi tiêu của người dân Việt Nam là khá nhạy cảm khi có sự thay đổi trong thu nhập. Vì vậy khi thực hiện các chính sách như tăng lương tối thiểu thì sẽ có những tác động đáng kể lên cầu hàng hóa của người dân.❑

Phụ lục: Kiểm định mô hình

Kết quả kiểm định về định dạng mô hình, kiểm định Ramsey:

```
Ramsey RESET test using powers of the fitted values of saving_rate

       Ho:  model has no omitted variables

                 F(3, 2811)      ...31

                   Prob > F =      0.2707
```

Kiểm định về phương sai sai số thay đổi, kiểm định B-P

```
Breusch-Pagan / Cook-Weisberg test for heteroskedasticity

         Ho: Constant variance

         Variables: fitted values of saving_rate

         chi2(1)          109.02

         Prob > chi2      0.0000
```

Ghi chú:

1. http://data.worldbank.org/indicator/NE.CON.PETC.ZS. Năm 2014, tiêu dùng hộ gia đình Việt Nam chiếm 63.4% GDP.
2. Lira: đơn vị tiền tệ của Ý
3. Chúng tôi sẽ chỉ quan tâm đến các hộ có thu nhập là lớn hơn chi tiêu – các hộ còn lại không phải là mối quan tâm của nghiên cứu này.
4. Lạm phát các năm: 2010: 11.75%, 2011: 18.6%, 2012: 6.81%.
5. Một số yếu tố khác cũng có thể tạo nên sự thay đổi trong xu hướng tiết kiệm theo chiều dọc, đó là sự thay đổi về tuổi của chủ hộ. Tuy nhiên ở đây chúng ta chỉ xét trong 2 năm nên có thể xem tác động của sự thay đổi về tuổi là không đáng kể.
6. Cơ hội đầu tư khác nhau cũng có thể là một nguyên nhân, chẳng hạn với người có nhiều tiền, họ có thể đầu tư vào các khoản có giá trị lớn như bất động sản trong khi người có ít tiền thì khó làm được điều này. Tuy nhiên có thể cho rằng cơ hội này trong năm 2012 là chưa được cải thiện so với năm 2010.
7. Trung bình trên thế giới, 2010: 38.6% (Theo World Bank: http://datatopics.worldbank.org/consumption/market)
8. Con số ở phía trước tên mỗi biến giả thể hiện sự khác biệt của nhóm đó so với nhóm cơ sở
9. Tỷ lệ chi tiêu công cho giáo dục của Việt Nam tuy có cao hơn so với mức trung bình trên thế giới, nhưng cho y

tế thì thấp hơn nên không phải là lí do để chi tiêu hộ gia đình cho hai lĩnh vực này thấp.

Tài liệu tham khảo

Ashoka Mody, Franziska Ohnsorge & Damiano Sandri (2012), 'Precautionary Savings in the Great Recession', *IMF Working Paper*, số WP/12/42.

Brumberg, R (1956), 'An Approximation to the Aggregate Saving Function', *The Economic Journal*, 66 (261), 66-72

Deaton, Angus (1991), 'Saving and Liquidity Constraints', *Econometrica*, 59, 1221- 1248.

Friedman M. (1957), *A Theory of the Consumption Function*, Princeton, NJ: Princeton Univ. Press.

Karen D., Skinner J., Stephen P. (2004), 'Do the Rich Save More?', *Journal of Political Economy*, 112(2), 397-444.

Krueger D & Perri F (2011), 'How do households respond to income shocks?', *Working paper*

Leland, Hayne E. (1968), 'Saving and Uncertainty: The Precautionary Demand for Saving', *The Quarterly Journal of Economics*, 82(3), 465-473

Muth JF (1960), 'Optimal properties of exponentially weighted forecasts', *Journal of the American Statistical Association*, 55, 299–306.

Nad'ege D'esir'ee Yam'eogo (2014), 'Analysis of Household Expenditures and the Impact of Remittances using a Latent Class Model: the Case of Burkina Faso', *Working Paper No. 200*, African Development Bank Group.

Narayan. S, & Hemanta.K P (2012), 'Patterns of Consumption Expenditure in Rural Households of Western Odisha of India: An Engel Ratio Analysis', *OIDA International Journal of Sustainable Development*, 5(4), 104-122.

Newman, C., Tarp Finn., Van den Broeck, Katleen (2012), 'Social capital, network effects and savings in rural Vietnam', *Working paper*, World Institute for Development Economics Research ; 2012/39.

Phillip Weil (1993), 'Precautionary savings and the permanent income hypothesis, The review of economic studies, 60(2), 367-383.

Robert E. Hal & Frederic S. Mishkin (1982), 'The Sensitivity of Consumption to Transitory Income: Estimates from Panel Data on Households', *Econometrica*, 50(2) 461-481.

Thomas G , & H.V Dung (2014), 'Household Savings and Productive Capital Formation in Rural Vietnam: Insurance vs. Social Network', *Modern Economy*, 5(8), 878-894.

Zanin Lucas (2015), .The Response of Italian Households to a Large Transitory Income Shock During an Economic Crisis: An Experimental Study on the Intention to Increase Consumption Levels', SSRN working paper, http://ssrn.com/abstract=2605746

Thông tin các tác giả:

**** Nguyễn Thị Minh**, Phó giáo sư, tiến sỹ*

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Toán kinh tế, trường đại học Kinh tế quốc dân

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: Singapore Economics Reviews, Journal of the Asia Pacific Economy, Tạp chí Kinh tế Phát triển, Tạp chí Kinh tế

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: minhkthn@gmail.com

***** Đoàn Trọng Tuyến**, Thạc sỹ*

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Toán kinh tế, trường đại học Kinh tế quốc dân

******Phạm Hương Huyền**, Thạc sỹ*

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Toán kinh tế, trường đại học Kinh tế quốc dân

*******Nguyễn Thị Thảo***

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Toán kinh tế, trường đại học Kinh tế quốc dân

********Phạm Tiến Hải***

- Tổ chức tác giả công tác: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk